

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KT-XH QUÝ I NĂM 2025 HUYỆN BA TƠ
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /3/2025 của UBND huyện Ba Tơ)

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025		Thực hiện Quý I năm 2025	So sánh TH/KH 2025		Ghi chú
			Tỉnh giao	Huyện giao		Tỉnh giao	Huyện giao	
A	CHỈ TIÊU KINH TẾ							
I	Chỉ tiêu tổng hợp về kinh tế							
1	Giá trị sản phẩm (giá ss năm 2010)	Tỷ đồng		2.530,29	636,99		25,17	
	- Nông - lâm - thủy sản	"		1.163,63	290,89		25,00	
	- Công nghiệp - TTCN - xây dựng	"		958,10	241,80		25,24	
	- Thương mại - dịch vụ	"		408,56	104,30		25,53	
2	Giá trị sản phẩm (giá hiện hành)	Tỷ đồng		3.426,51	843,90		24,63	
	- Nông - lâm - thủy sản	"		1.639,82	388,80		23,71	
	- Công nghiệp - TTCN - xây dựng	"		1.290,60	325,60		25,23	
	- Thương mại - dịch vụ	"		496,09	129,50		26,10	
3	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng						
	- Theo giá hiện hành	Triệu đ/ng		54,8	401,5		732,66	
4	Thu chi ngân sách							
	- Tổng thu ngân sách NN trên địa bàn	Tỷ đồng	51,860	51,860	11,721		22,60	
	- Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	617,895	617,895	150,639		24,38	
5	Hợp tác xã							
	Hợp tác xã thành lập mới				0			
6	Tổng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước	Tỷ đồng		243,269	13,323		5,48	
7	Sản phẩm chủ yếu							
	- Sản lượng lúa	Tấn	33.404	33.415	17.485	52,34	52,33	
	- Sản lượng ngô	Tấn	456	456		0,00	0,00	
	- Đàn trâu	con	27.900	28.500	28.347	101,60	99,46	
	- Đàn bò	con	5.050	5.450	5.175	102,48	94,95	
	- Đàn heo	con	28.746	32.000	27.470	95,56	85,84	
	- Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn		3.950	746,8		18,91	
	- Sản lượng thủy sản nuôi trồng	Tấn	198	105		0,00	0,00	
B	Xã hội				0			
1	Giải quyết việc làm	người			251			
2	Số nhà tạm, nhà dột nát	nhà		547	547		100,00	